TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: **02**/2018/QĐST-KDTM	*Ân Thi, ngày 20 tháng 03 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12/03/2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2017/TLST - KDTM ngày 20/12/2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (viết tắt là S)
Địa chỉ: 266-268 N, phường 8, quận 3, TP. H
Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D
Chức vụ: Tổng giám đốc
Đại diện ủy quyền: Bà Vũ Thị Thu N
Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S, chi nhánh H
Đại diện ủy quyền lại: Ông Trần Trọng H
Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch K

Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Văn H, SN 1972
2. Bà Phạm Thị N, SN 1971
Bà N ủy quyền cho: Ông Nguyễn Văn H
Đều trú tại: H L, Ph , Â T, H Y

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về việc trả nợ*: Ngân hàng TMCP S (S) có cho vợ chồng ông H, bà N vay 02 hợp đồng gồm có hợp đồng số LD 1430300075 ký ngày 30/10/2014 với số tiền vay là 400.000.000 đ, ngày 06/02/2015 ông H, bà N tiếp tục ký với Ngân hàng S hợp đồng

tín dụng số LD 1503700159 với số tiền vay là 119.000.000 đ. Đến ngày 10/10/2017 ông H, bà N còn nợ gốc là 300.075.000 đ, lãi trong hạn là 29.017.903 đ, lãi quá hạn 1.780.319 đ, tổng số tiền nợ là 330.873.222 đ. Các bên thỏa thuận thống nhất lộ trình trả nợ thành 7 kỳ như sau:

- Kỳ 1: Ông H, bà N thanh toán trả S số tiền nợ gốc là 40.000.000 đ, chậm nhất vào ngày 30/6/2018
- Kỳ 2: Ông H, bà N thanh toán trả S số tiền nợ gốc là 30.000.000 đ, chậm nhất vào ngày 28/9/2018
- Kỳ 3: Ông H, bà N thanh toán trả S số tiền nợ gốc là 40.000.000 đ, chậm nhất vào ngày 31/12/2018
- Kỳ 4: Ông H, bà N thanh toán trả S số tiền nợ gốc là 40.000.000 đ, chậm nhất vào ngày 29/03/2019
- Kỳ 5: Ông H, bà N thanh toán trả S số tiền nợ gốc là 50.000.000 đ, chậm nhất vào ngày 28/6/2019
- Kỳ 6: Ông H, bà N thanh toán trả S số tiền nợ gốc là 50.000.000 đ, chậm nhất vào ngày 30/9/2019
- Kỳ 7: Ông H, bà N thanh toán trả S số tiền nợ gốc còn lại là 50.075.000 đ, lãi trong hạn 29.017.903 đ, lãi quá hạn 1.780.319 đ đến ngày 10/10/2017 và toàn bộ phần lãi phát sinh tính từ ngày 11/10/2017 đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng chậm nhất ngày 31/10/2019.

Trong trường hợp ông H, bà N vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét các thủ tục kê biên và phát mại toàn bộ các tài sản thế chấp theo nội dung Hợp đồng thế chấp số LD1430300075/A ký ngày 30/10/2014 và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung (nếu có) để thu hồi toàn bộ nợ vay một lần.

Nếu khối tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì ông H, bà N phải tiếp tục trả phần nợ còn lại cho S.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án theo nội dung thỏa thuận nêu trên, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền phải thi hành án mà người phải thi hành không thi hành thì phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1430300075 ký ngày 30/10/2014 và hợp đồng tín dụng số LD 1503700159 ngày 06/02/2015 trên phần nợ gốc tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- *Về án phí*: Ngân hàng TMCP S chịu 4.136.000 đ án phí STKDTM (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.200.000đ tại biên lai số 008914 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi). Hoàn trả Ngân hàng TMCP S 4.064.000đ. Bị đơn (ông H, bà N) chịu án phí sơ thẩm KDTM là 4.136.000 đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Ân Thi;*
- *Chi cục THA dân sự huyện Ân Thi;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS.*

THẨM PHÁN

Phạm Bá Hân